

KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ 2: “ĐỒ DÙNG – ĐỒ CHƠI CỦA BÉ”

Thời gian thực hiện: 2 tuần (Từ 29/9/2025 ->10/10/202)

| TT | Mục tiêu chủ đề | Nguồn | Nội dung chủ đề | Hoạt động chủ đề | Phạm vi thực hiện | Địa điểm lớp học | DỰ KIẾN CĐ | | CHỦ ĐỀ 2: "ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI CỦA BÉ" | | Ghi chú |
|---|---|------------------|-------------------------------------|---|-------------------|------------------|--------------|--|------------------------------------|-----------------|---------|
| | | | | | | | ĐDĐC của bé | | | | |
| | | | | | | | 2T | | Đồ dùng của bé | Đồ chơi của bé | |
| | | | | | | | 29/9 ->10/10 | | 1T (29/9-> 03/10) | (06/10-> 10/10) | |
| I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT | | | | | | | * | | | | |
| A. Phát triển vận động | | | | | | | * | | | | |
| 1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp | | | | | | | * | | | | |
| 1 | Thực hiện đợc các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng bụng và chân | KQMF | Tập kết hợp 4 động tác thể dục sáng | Bài 9. Cây cao- cây thấp - ĐT1: Ngửi hoa - ĐT2: Cây cao - ĐT3: Gió thổi cây nghiêng - ĐT4: Cây thấp | Cả lớp | Lớp học | x | | CTTDS | CTTDS | |
| 2. Thể hiện vận động cơ bản và phát triển tổ chất vận động ban đầu | | | | | | | * | | | | |
| * Vận động: nhún, bật | | | | | | | * | | | | |
| 15 | Giữ đợc thăng bằng khi thực | NDC _T | Bật tại chỗ | Dạy trẻ kỹ năng VĐCB: Bật tại | Cả lớp | Lớp học | x | | CTCCĐ | | |

| TT | Mục tiêu chủ đề | Nguồn | Nội dung chủ đề | Hoạt động chủ đề | Phạm vi thực hiện | Địa điểm lớp học | DỰ KIẾN CĐ | | CHỦ ĐỀ 2: "ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI CỦA BÉ" | | Ghi chú |
|---|--|-------|---|---|-------------------|------------------|--------------|-------|------------------------------------|-----------------|---------|
| | | | | | | | ĐDĐC của bé | | Đồ dùng của bé | Đồ chơi của bé | |
| | | | | | | | 2T | | | | |
| | | | | | | | 29/9 ->10/10 | | 1T (29/9-> 03/10) | (06/10-> 10/10) | |
| | hiện vận động bật tại chỗ | | | chỗ. | | | | | | | |
| 17 | Biết chơi các trò chơi vận động và các trò chơi dân gian, thông qua mỗi trò chơi vận động củng cố các kỹ năng vận động cho trẻ | TLHD | Trò chơi vận động và trò chơi dân gian | * Các trò chơi dân gian, trò chơi vận động | | | * | | | | |
| | | | | Trời nắng trời mưa | | Sân chơi | x | CTNT | | | |
| | | | | Chi chi chành chành | | Lớp học | x | CTĐT | CTĐT | | |
| | | | | Dung dăng dung dẻ | | Sân chơi | x | CTNT | | | |
| | | | | Đuổi bắt bóng | | Sân chơi | x | | CTNT | | |
| 3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay | | | | | | | * | | | | |
| 18 | Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện múa khéo | KQMĐ | Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện múa khéo | Dạy trẻ chơi: Bé chơi với giấy (vo giấy, bóp giấy; xoắn giấy..) | Cả lớp | Lớp học | x | | CTCCĐ | | |
| 19 | Phối hợp được cử động bàn tay | NDCT | Thực hành rèn vận động của bàn tay, | Bé chơi với đất nặn xoay tròn | Cả lớp | Lớp học | x | CTTYT | CTTYT | | |

| TT | Mục tiêu chủ đề | Nguồn | Nội dung chủ đề | Hoạt động chủ đề | Phạm vi thực hiện | Địa điểm lớp học | DỰ KIẾN CĐ | | CHỦ ĐỀ 2: "ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI CỦA BÉ" | | Ghi chú |
|---|---|-------|--|---|-------------------|------------------|--------------|---------|------------------------------------|-----------------|---------|
| | | | | | | | ĐDĐC của bé | | Đồ dùng của bé | Đồ chơi của bé | |
| | | | | | | | 2T | | | | |
| | | | | | | | 29/9 ->10/10 | | 1T (29/9-> 03/10) | (06/10-> 10/10) | |
| | ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động nhào đất nặn | | khớp ngón tay khi cho trẻ nhào đất nặn | | | | | | | | |
| 22 | Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: Xâu vòng tay, vòng cổ | KQMD | | Thực hành rèn kỹ năng Dạy trẻ chơi: Xâu vòng màu xanh tặng bạn | Nhóm | Lớp học | x | CTBC | | | |
| | | | | Thực hành rèn kỹ năng Dạy trẻ chơi: Xâu vòng màu vàng tặng bạn | Nhóm | Lớp học | x | | CTBC | | |
| B. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe | | | | | | | * | | | | |
| 1. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt | | | | | | | * | | | | |
| 27 | Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, phòng tránh tai nạn thương tích | KQMD | Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, phòng tránh tai nạn thương tích | Nấu cháo thịt lợn, cà rốt | Cả lớp | Lớp học | x | Kết hợp | Kết hợp | | |

| TT | Mục tiêu chủ đề | Nguồn | Nội dung chủ đề | Hoạt động chủ đề | Phạm vi thực hiện | Địa điểm lớp học | DỰ KIẾN CĐ | | CHỦ ĐỀ 2: "ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI CỦA BÉ" | | Ghi chú |
|---|--|-------|--|---|-------------------|------------------|--------------|-------|------------------------------------|-----------------|---------|
| | | | | | | | ĐDĐC của bé | | Đồ dùng của bé | Đồ chơi của bé | |
| | | | | | | | 2T | | | | |
| | | | | | | | 29/9 ->10/10 | | 1T (29/9-> 03/10) | (06/10-> 10/10) | |
| 28 | Thích nghi với chế độ ăn cơm, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau | NDCT | Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau | Trẻ biết ngồi vào bàn ăn cơm ăn được các loại thức ăn khác nhau | Cả lớp | Lớp học | x | VS-AN | VS-AN | | |
| 2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe | | | | | | | * | | | | |
| 35 | Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh.....) | KQMD | Biết lấy nước uống với sự giúp đỡ của người lớn | Dạy trẻ biết lấy nước uống với sự giúp đỡ của người lớn | Cả lớp | Lớp học | x | VS-AN | VS-AN | | |
| II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC | | | | | | | * | | | | |
| 1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan | | | | | | | * | | | | |
| 41 | Sờ nắn, nhìn, nghe để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng | KQMD | Quan sát nhận biết đặc điểm nổi bật của một số đồ dùng, đồ chơi ngoài trời | Quan sát đu quay | | Sân chơi | x | | CTNT | | |
| | | | | Quan sát cầu trượt | | Sân chơi | x | | CTNT | | |
| | | | | Quan sát nhà bóng | | Sân chơi | x | CTNT | | | |

| TT | Mục tiêu chủ đề | Nguồn | Nội dung chủ đề | Hoạt động chủ đề | Phạm vi thực hiện | Địa điểm lớp học | DỰ KIẾN CĐ | | CHỦ ĐỀ 2: "ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI CỦA BÉ" | | Ghi chú |
|----|--|-------|--|--|-------------------|------------------|--------------|--|------------------------------------|-----------------|---------|
| | | | | | | | ĐDĐC của bé | | Đồ dùng của bé | Đồ chơi của bé | |
| | | | | | | | 2T | | | | |
| | | | | | | | 29/9 ->10/10 | | 1T (29/9-> 03/10) | (06/10-> 10/10) | |
| | | | | Quan sát xích đu | | Sân chơi | x | | | CTNT | |
| | | | | Quan sát bập bênh | | Sân chơi | x | | CTNT | | |
| | | | Quan sát, sờ nắn, nhìn, nghe, để nhận biết đặc điểm nổi bật của một số đồ dùng cá nhân ở lớp của bé. | Quan sát tủ đồ dùng cá nhân | | Sân chơi | x | | | CTNT | |
| | | | | Quan sát giá để dép | | Sân chơi | x | | | CTNT | |
| | | | | Quan sát balo | | Sân chơi | x | | CTNT | | |
| | | | | Quan sát đôi dép | | Sân chơi | x | | CTNT | | |
| | | | | Quan sát mũ | | Sân chơi | x | | CTNT | | |
| | *Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật hiện tượng gần gũi | | | | | | * | | | | |
| | 2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi | | | | | | * | | | | |
| 49 | Trẻ bước đầu có kỹ năng khi chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những | KQME | Rèn kỹ năng cho trẻ khi chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người | Chơi với đồ chơi và biết tên đặc điểm nổi bật công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ | Cả lớp | Lớp học | x | | CTTYT | CTTYT | |

| TT | Mục tiêu chủ đề | Nguồn | Nội dung chủ đề | Hoạt động chủ đề | Phạm vi thực hiện | Địa điểm lớp học | DỰ KIẾN CĐ | | CHỦ ĐỀ 2: "ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI CỦA BÉ" | | Ghi chú |
|----|--|-------|--|--|-------------------|------------------|--------------|---------|------------------------------------|-----------------|---------|
| | | | | | | | ĐDĐC của bé | | Đồ dùng của bé | Đồ chơi của bé | |
| | | | | | | | 2T | | | | |
| | | | | | | | 29/9 ->10/10 | | 1T (29/9-> 03/10) | (06/10-> 10/10) | |
| | người gần gũi. Sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc | | gần gũi. Sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc | chơi quen thuộc. | | | | | | | |
| | | | | Chơi trò chơi: Đây là gì? (Nói được đúng tên gọi của đồ dùng đồ chơi..) | Cả lớp | Lớp học | x | Kết hợp | Kết hợp | | |
| | * Nhận biết một số bộ phận của cơ thể con người | | | | | | * | | | | |
| | * Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi | | | | | | * | | | | |
| 51 | Trẻ có quyền được vui chơi, biết giữ gìn đồ chơi | QTE | Trẻ có quyền được vui chơi, biết giữ gìn đồ chơi) | HĐH: Dạy trẻ chơi với đồ chơi, biết cất giữ đồ chơi gọn gàng đúng quy định | | | x | CTTYT | CTTYT | | |
| 52 | Nhận biết được tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ | KQMD | Chơi với đồ chơi và biết tên đặc điểm nổi bật công dụng và cách sử | Dạy trẻ: Quan sát, nhận biết, phân biệt đồ chơi quả bóng, ô tô | Cả lớp | Lớp học | x | CTBC | | | |

| TT | Mục tiêu chủ đề | Nguồn | Nội dung chủ đề | Hoạt động chủ đề | Phạm vi thực hiện | Địa điểm lớp học | DỰ KIẾN CĐ | | CHỦ ĐỀ 2: "ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI CỦA BÉ" | | Ghi chú |
|---|---|-------|--|--|-------------------|------------------|--------------|-------|------------------------------------|-----------------|---------|
| | | | | | | | ĐDĐC của bé | | Đồ dùng của bé | Đồ chơi của bé | |
| | | | | | | | 2T | | | | |
| | | | | | | | 29/9 ->10/10 | | 1T (29/9-> 03/10) | (06/10-> 10/10) | |
| | dùng, đồ chơi quen thuộc. | | dùng đồ dùng đồ chơi quen thuộc.(LH: Trẻ có quyền được vui chơi, biết giữ gìn đồ chơi) | Dạy trẻ Quan sát, nhận biết, phân biệt đồ dùng như dép, mũ | Cả lớp | Lớp học | x | CTCCĐ | | | |
| * Nhận biết bản thân và những người gần gũi | | | | | | | * | | | | |
| 60 | <i>Trẻ có một số nhận biết về an toàn giao thông qua 26 bộ phim "Bé vui giao thông"</i> | ĐP | <i>Trẻ xem video trong chương trình "Tôi yêu Việt Nam" của công ty Honda Việt Nam</i> | Tập 3: Những tay lái lụa. Đội mũ bảo hiểm khi đi xe. | | | x | CTBC | | | |
| | | | | Tập 4: Ai Ngầu Nhất, Vui Chơi Xe Đạp An Toàn | | | x | | CTBC | | |
| *Nhận biết một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng | | | | | | | * | | | | |
| 64 | Chỉ / nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ / vàng / xanh theo yêu cầu | KQMPĐ | Chỉ / nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu vàng theo yêu cầu | Quan sát, nhận biết, phân biệt màu vàng | Cả lớp | Lớp học | x | | CTCCĐ | | |

| TT | Mục tiêu chủ đề | Nguồn | Nội dung chủ đề | Hoạt động chủ đề | Phạm vi thực hiện | Địa điểm lớp học | DỰ KIẾN CĐ | | CHỦ ĐỀ 2: "ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI CỦA BÉ" | | Ghi chú |
|---|---|-------|---|--|-------------------|------------------|--------------|-------|------------------------------------|-----------------|---------|
| | | | | | | | ĐDĐC của bé | | Đồ dùng của bé | Đồ chơi của bé | |
| | | | | | | | 2T | | | | |
| | | | | | | | 29/9 ->10/10 | | 1T (29/9-> 03/10) | (06/10-> 10/10) | |
| III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ | | | | | | | * | | | | |
| A. Nghe hiểu lời nói | | | | | | | * | | | | |
| 69 | Trẻ nghe, nói và hiểu được các từ chỉ tên gọi đồ vật, đồ chơi, đồ dùng cá nhân, sự vật, hành động quen thuộc. | NDCT | Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, đồ chơi, sự vật, hành động quen thuộc | Quan sát, nhận biết, tập nói tên gọi đặc điểm nổi bật, tác dụng của quả bóng | Cả lớp | Lớp học | x | | CTBC | | |
| | | | | Quan sát, nhận biết, tập nói tên gọi đặc điểm nổi bật, tác dụng của đôi dép | Cả lớp | Lớp học | x | CTCCĐ | | | |
| | | | | Quan sát, nhận biết, tập nói tên gọi đặc điểm nổi bật, tác dụng của búp bê | Cả lớp | Lớp học | x | | CTBC | | |
| B. Nghe và nhắc lại các âm và các tiếng, các câu | | | | | | | * | | | | |

| TT | Mục tiêu chủ đề | Nguồn | Nội dung chủ đề | Hoạt động chủ đề | Phạm vi thực hiện | Địa điểm lớp học | DỰ KIẾN CĐ | | CHỦ ĐỀ 2: "ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI CỦA BÉ" | | Ghi chú |
|---------------------------------|---|-------|---|---|-------------------|------------------|--------------|-------|------------------------------------|-----------------|---------|
| | | | | | | | ĐDĐC của bé | | Đồ dùng của bé | Đồ chơi của bé | |
| | | | | | | | 2T | | | | |
| | | | | | | | 29/9 ->10/10 | | 1T (29/9-> 03/10) | (06/10-> 10/10) | |
| * Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp | | | | | | | * | | | | |
| 76 | Trẻ nghe, nói hiểu được các từ chỉ đồ dùng cá nhân của bé: dép, mũ, quần áo | NDCT | Nghe các từ chỉ tên gọi, đặc điểm, công dụng của đồ dùng cá nhân: dép, mũ, quần áo | Quan sát, nhận biết, tập nói tên gọi đặc điểm nổi bật và tác dụng của ba lô | Cả lớp | Lớp học | x | CTBC | | | |
| 79 | Trẻ biết lắng nghe và đọc được các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố. Đọc các đoạn thơ, bài thơ, ca dao, đồng dao, phù hợp độ tuổi, đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng. Phát âm các tiếng có âm khó trong bài thơ | NDCT | Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố. Đọc các đoạn thơ, bài thơ, ca dao, đồng dao, phù hợp độ tuổi, đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng. Phát âm các tiếng có âm khó trong bài thơ | Dạy trẻ bài thơ: Đi dép | Cả lớp | Lớp học | x | | CTCCĐ | | |
| 83 | Chỉ và gọi tên được các nhân vật, sự vật, hiện tượng gần gũi qua | NDCT | Xem tranh và gọi tên được các nhân vật, sự vật, hiện tượng gần gũi qua | Biết lật giở tranh, hình ảnh, xem tranh và nói được tên các hình ảnh về | Cả lớp | Lớp học | x | CTTYT | CTTYT | | |

| TT | Mục tiêu chủ đề | Nguồn | Nội dung chủ đề | Hoạt động chủ đề | Phạm vi thực hiện | Địa điểm lớp học | DỰ KIẾN CĐ | | CHỦ ĐỀ 2: "ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI CỦA BÉ" | | Ghi chú |
|--|---|-------|--|---|-------------------|------------------|--------------|---|------------------------------------|-----------------|---------|
| | | | | | | | ĐDĐC của bé | | Đồ dùng của bé | Đồ chơi của bé | |
| | | | | | | | 2T | | | | |
| | | | | | | | 29/9 ->10/10 | | 1T (29/9-> 03/10) | (06/10-> 10/10) | |
| | tranh/ảnh | | tranh/ảnh | đồ dùng đồ chơi: Bóng, ô tô | | | | | | | |
| IV. GIÁO DỤC TÌNH CẢM - KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ | | | | | | | | * | | | |
| 86 | Thể hiện điều mình thích và không thích | KQMĐ | Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình | Quan sát nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình | Cả lớp | Lớp học | x | | | CTBC | |
| *Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc | | | | | | | | * | | | |
| 90 | Chơi các trò chơi giả bộ, sắm vai | NDCT | Chơi các trò chơi giả bộ, sắm vai | Hướng dẫn chơi trò chơi bé em (Bé chơi với búp bê) | Cả lớp | Lớp học | x | | CTBC | | |
| 2. Phát triển kỹ năng xã hội | | | | | | | | * | | | |
| * Mỗi quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi | | | | | | | | * | | | |

| TT | Mục tiêu chủ đề | Nguồn | Nội dung chủ đề | Hoạt động chủ đề | Phạm vi thực hiện | Địa điểm lớp học | DỰ KIẾN CĐ | | CHỦ ĐỀ 2: "ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI CỦA BÉ" | | Ghi chú |
|---|--|-------|---|---|-------------------|------------------|--------------|-------|------------------------------------|-----------------|---------|
| | | | | | | | ĐDĐC của bé | | Đồ dùng của bé | Đồ chơi của bé | |
| | | | | | | | 2T | | | | |
| | | | | | | | 29/9 ->10/10 | | 1T (29/9-> 03/10) | (06/10-> 10/10) | |
| 94 | Thực hiện một số yêu cầu của người lớn | KQMĐ | Biết cất đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định . Biết cất đồ dùng đồ chơi sau khi chơi xong | Bé yêu đồ chơi | Cả lớp | Lớp học | x | CTCCĐ | | | |
| * Hành vi văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt | | | | | | | * | | | | |
| 97 | Biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở | KQMĐ | Thực hiện một số qui định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm lớp: Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ, xếp hàng chờ đến lượt để đồ chơi vào nơi qui định | Thực hiện một số qui định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm lớp: Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ, xếp hàng chờ đến lượt để đồ chơi vào nơi qui định | Cả lớp | Lớp học | x | CTĐT | CTĐT | | |
| 103 | Biết hát và vận động đơn giản, theo một vài bài hát, bản nhạc quen thuộc | KQMĐ | Dạy hát | Dạy trẻ: Kỹ năng ca hát: Đôi dép. TCAN: Nhỏ và to. NH: Đồ dùng bé yêu | Cả lớp | Lớp học | x | | CTCCĐ | | |

| TT | Mục tiêu chủ đề | Nguồn | Nội dung chủ đề | Hoạt động chủ đề | Phạm vi thực hiện | Địa điểm lớp học | DỰ KIẾN CĐ | | CHỦ ĐỀ 2: "ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI CỦA BÉ" | | Ghi chú |
|------------------------------------|--|-------|---|--|-------------------|------------------|--------------|-------|------------------------------------|-----------------|---------|
| | | | | | | | ĐDĐC của bé | | Đồ dùng của bé | Đồ chơi của bé | |
| | | | | | | | 2T | | | | |
| | | | | | | | 29/9 ->10/10 | | 1T (29/9-> 03/10) | (06/10-> 10/10) | |
| | | | Trẻ vận động đơn giản theo nhạc một số bài hát quen thuộc | Dạy trẻ KNVĐ: Nu na nu nống. TCAN: Nhỏ và to. NH: Đồ dùng bé yêu | Cả lớp | Lớp học | x | CTCCĐ | | | |
| 104 | Thích tô màu, xem tranh (cầm bút di màu) | KQMĐ | Trẻ tô màu, xem tranh (cầm bút di màu) | Dạy trẻ: Bé chơi với sáp màu | Cả lớp | Lớp học | x | CTTYT | CTTYT | | |
| | | | | Dạy trẻ di màu đồ chơi | Cả lớp | Lớp học | x | CTTYT | CTTYT | | |
| | | | | Dạy trẻ di màu quả bóng bay | Cả lớp | Lớp học | x | | CTCCĐ | | |
| 109 | Trẻ thích nặn | KQMĐ | Trẻ nặn và chơi với đất nặn | Dạy trẻ: Bé làm quen với đất nặn | Cả lớp | Lớp học | x | | CTTYT | | |
| TỔNG SỐ NDHĐ PHÂN BỐ VÀO CĐ | | | | | | | 60 | 30 | 30 | | |
| Trong đó: - Lĩnh vực thể chất | | | | | | | 19 | 10 | 9 | | |

| TT | Mục tiêu chủ đề | Nguồn | Nội dung chủ đề | Hoạt động chủ đề | Phạm vi thực hiện | Địa điểm lớp học | DỰ KIẾN CĐ | | CHỦ ĐỀ 2: "ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI CỦA BÉ" | | Ghi chú |
|----|-----------------|-------|--|------------------|-------------------|------------------|--------------|----|------------------------------------|-----------------|---------|
| | | | | | | | ĐDĐC của bé | | Đồ dùng của bé | Đồ chơi của bé | |
| | | | | | | | 2T | | | | |
| | | | | | | | 29/9 ->10/10 | | 1T (29/9-> 03/10) | (06/10-> 10/10) | |
| | | | - Lĩnh vực nhận thức | | | | 21 | 11 | 10 | | |
| | | | - Lĩnh vực ngôn ngữ | | | | 7 | 3 | 4 | | |
| | | | - Lĩnh vực TCKNXH & TM | | | | 13 | 6 | 7 | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | Cộng tổng số nội dung phân bổ vào chủ đề | | | | 60 | 30 | 30 | | |
| | | | Trong đó: - Chơi tập đón trẻ | | | | 4 | 2 | 2 | | |
| | | | - Chơi tập thể dục sáng | | | | 2 | 1 | 1 | | |
| | | | - Chơi tập theo ý thích | | | | 13 | 6 | 7 | | |
| | | | - Chơi tập ngoài trời | | | | 13 | 7 | 6 | | |
| | | | - Vệ sinh-ăn ngủ | | | | 4 | 2 | 2 | | |
| | | | - Chơi tập buổi chiều | | | | 10 | 5 | 5 | | |
| | | | '- Hoạt động kết hợp | | | | 4 | 2 | 2 | | |

| TT | Mục tiêu chủ đề | Nguồn | Nội dung chủ đề | Hoạt động chủ đề | Phạm vi thực hiện | Địa điểm lớp học | DỰ KIẾN CĐ | | CHỦ ĐỀ 2: "ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI CỦA BÉ" | | Ghi chú |
|----|-----------------|-------|-----------------|--------------------------------|-------------------|------------------|--------------|---|------------------------------------|-----------------|---------|
| | | | | | | | ĐDĐC của bé | | Đồ dùng của bé | Đồ chơi của bé | |
| | | | | | | | 2T | | | | |
| | | | | | | | 29/9 ->10/10 | | 1T (29/9-> 03/10) | (06/10-> 10/10) | |
| | | | | - Chơi tập có chủ đích | | | 10 | 5 | 5 | | |
| | | | | <i>Chia ra: + Giờ thể chất</i> | | | 2 | 1 | 1 | | |
| | | | | <i>+ Giờ nhận thức</i> | | | 2 | 1 | 1 | | |
| | | | | <i>+ Giờ ngôn ngữ</i> | | | 2 | 1 | 1 | | |
| | | | | <i>+ Giờ TCKNXH&TM</i> | | | 4 | 2 | 2 | | |

II. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH:

| Tên chủ đề nhánh | Số tuần thực hiện | Thời gian thực hiện | Người phụ trách | Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có) |
|-------------------------|-------------------|---------------------|-----------------|-----------------------------------|
| Nhánh 1: Đồ dùng bé yêu | 1 | Từ 29/9 ->3/10 | Phạm Thị Nhung | |

| | | | |
|-------------------------|---|------------------|-----------------------|
| Nhánh 2: Đồ chơi của bé | 1 | Từ 6/10 ->10//10 | Nguyễn Thị Hồng Tuyền |
|-------------------------|---|------------------|-----------------------|

III. CHUẨN BỊ:

| Nhánh Chuẩn bị | Nhánh 1: Đồ dùng bé yêu | Nhánh 2: Đồ chơi của bé |
|-----------------------|---|--|
| Giáo viên | <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị và trang trí tạo môi trường theo chủ đề nhánh “Đồ dùng bé yêu” - Lên kế hoạch theo chủ đề, lựa chọn nội dung giáo dục phù hợp, soạn bài, nghiên cứu tài liệu về chủ đề - Chuẩn bị đồ dùng, học liệu chuẩn bị cho chủ đề - Tranh ảnh giới thiệu về chủ đề - Lựa chọn một số bài thơ, câu chuyện, bài hát, trò chơi về chủ đề. | <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị và trang trí tạo môi trường theo chủ đề nhánh: “Đồ chơi của bé” - Lên kế hoạch theo chủ đề, lựa chọn nội dung giáo dục phù hợp, soạn bài, nghiên cứu tài liệu về chủ đề - Chuẩn bị đồ dùng, học liệu chuẩn bị cho chủ đề - Tranh ảnh giới thiệu về chủ đề: - Lựa chọn một số bài thơ, câu chuyện, bài hát, trò chơi về chủ đề |
| Nhà trường | <ul style="list-style-type: none"> - Trang thiết bị ngoài trời phong phú để kích thích các hoạt động khác nhau của trẻ. - Nhiều băng đĩa có nội dung phù hợp với chủ đề. - Tạo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn cho trẻ. | |
| Phụ huynh | <ul style="list-style-type: none"> - Cùng cô giúp trẻ khám phá chủ đề. - Cho con đi học đầy đủ - Trò chuyện với trẻ về các loại đồ dùng đồ chơi của bé - Sưu tầm các nguyên vật liệu: bìa lịch, giấy báo, vỏ hộp.... - Sưu tầm sách báo, tranh ảnh về chủ đề - Kết hợp cùng cô giáo, khích lệ động viên trẻ. | |
| Trẻ | <ul style="list-style-type: none"> - Có tâm thế tốt tham gia hoạt động | |

| | | |
|-----------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Nhánh | Nhánh 1: Đồ dùng bé yêu | Nhánh 2: Đồ chơi của bé |
| Chuẩn bị | | |
| | - Trang phục gọn gàng, sạch sẽ | |

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHỦ ĐỀ

| TT | Hoạt động | Phân phối vào các ngày trong tuần | | | | | Ghi chú |
|----|-------------------------------|--|-------|-------|-------|-------|---------|
| | | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | |
| 1 | CHƠI TẬP TRONG ĐÓN TRẺ | <ul style="list-style-type: none"> - Đón trẻ, trò chuyện nhắc nhở trẻ thói quen chào hỏi cô giáo, các bạn và người thân. - Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp theo nhu cầu: Chào cô, chào các bạn, mọi người - Chơi trò chơi :Chi chi chành chành:, Nu na nu nống - Quan sát, sờ nắn, nhìn, nghe, để nhận biết đặc điểm nổi bật của một số đồ dùng cá nhân ở lớp của bé. '- Chơi trò chơi: Đây là gì? (Nói được đúng tên gọi của đồ dùng đồ chơi..) - Thực hiện một số qui định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm lớp: Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ, xếp hàng chờ đến lượt để đồ chơi vào nơi qui định * SEL: Dạy trẻ cách chào hỏi lễ phép khi đến lớp. Biết cất dọn đồ dùng đồ chơi sau khi chơi xong | | | | | |
| 2 | CHƠI TẬP THỂ DỤC SÁNG | <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuẩn bị: Sân tập, trang phục trẻ gọn gàng 2. Tiến hành <ul style="list-style-type: none"> * Khởi động: - Cho trẻ làm đi giống cô các kiểu đi: đi bình thường, đi kiễng chân, đi bằng gót chân, cúi khom lưng, đi nhanh, đi chậm, nhắc cao chân * Trọng động: | | | | | |

| TT | Hoạt động | Phân phối vào các ngày trong tuần | | | | | Ghi chú | |
|----|----------------------|---|---|---|--|--|--|--|
| | | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | | |
| | | - BTPTC: Bài 9 . Cây cao- cây thấp - ĐT1: Ngửi hoa - ĐT2: Cây cao : Hai tay đưa lên cao hạ xuống - ĐT3: Gió thổi cây nghiêng : Nghiêng người sang hai bên - ĐT4: Cỏ thấp, ngồi xuống đứng lên - TCVĐ: Chim bay về tổ + Cô phổ biến cách chơi + Trẻ chơi cùng cô 2-3 lần * Hội tĩnh: Trẻ đi lại nhẹ nhàng quanh sân * SEL: Biết chờ đến lượt, không chen lấn khi xếp hàng. Biết lắng nghe cô hướng dẫn và quan sát cô làm mẫu. Biết điều chỉnh cảm xúc: không khóc khi ngã, cố gắng làm lại | | | | | | |
| 3 | Chơi tập có chủ đích | Nhánh 1 | Ngày 29//9/2025 PTTC 'Dạy trẻ kỹ năng VĐCB: Bật tại chỗ. | Ngày 30/9/2025 PTTCKNXH Dạy trẻ KNVĐ: Nu na nu nống. TCAN: Nhỏ và to. NH: Đồ dùng bé yêu | Ngày 1//10/2025 PTNT 'Dạy trẻ nhận biết, phân biệt đồ dùng dép, mũ SEL: Biết đi dép gọn gàng, đội mũ khi ra ngoài. Biết chia sẻ đồ dùng, , hợp tác trong trò chơi với bạn, không tranh giành. | Ngày 2/10/2025 PTNN Nhận biết, tập nói đôi dép *SEL: Biết chọn đúng dép ,giữ gìn đôi dép của mình, vui vẻ khi được khen | Ngày 3/10/2025 PTTCKN – CX Bé yêu đồ chơi *SEL: Trẻ gọi tên đồ chơi . Biết lựa chọn món đồ chơi mình yêu thích.biết chơi đồ chơi cùng bạn | |
| | | Nhánh 2 | Ngày 6/10/2025 PTTC 'Dạy trẻ chơi: Bé | Ngày 7/10/2025 "PTTCKNXH 'Dạy trẻ: Kỹ | Ngày 8/10/2025 PTNT NBPB: Màu Vàng | Ngày 9/10/2025 PTNN Thơ “Đi dép | Ngày 10/10/2025 PTTCKNXH& TM | |

| TT | Hoạt động | | Phân phối vào các ngày trong tuần | | | | | Ghi chú |
|----|---------------------|---------|--|--|---|---|---|---------|
| | | | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | |
| | Chơi tập ngoài trời | | chơi với giấy | năng ca hát: Đôi dép. TCAN: Nhỏ và to. *SEL: Biết hợp tác với cô và bạn khi tham gia múa hát, chơi trò chơi với bài “Đôi dép xinh”. Biết giao tiếp đơn giản liên quan đến dép: “Dép của con đây nè”, | | *SEL: Trẻ biết tự đi dép khi được nhắc hoặc được hướng dẫn. Trẻ tự nhận ra thói quen tốt: biết giữ vệ sinh cho đôi chân và bàn chân của mình. | - Di màu quả bóng bay | |
| | | Nhánh 1 | Ngày 29/9/2025 - MĐ: Quan sát nhà bóng - Chơi tự do. *SEL: Trẻ chia sẻ, tích cực tham gia hoạt động. Cảm nhận được niềm vui khi được tham gia trò chơi cùng bạn. | Ngày 30//10/2025 -TCVĐ:Trời nắng trời mưa - Chơi tự do. *SEL: Trẻ tự tin, tuân theo luật chơi. | Ngày 1/10/2025 - MĐ: Quan sát bập bênh -TCVĐ: Nu na nu nống - Chơi tự do. *SEL: Trẻ biết chờ đến lượt, không chen lấn khi chơi | Ngày 2/10/2025 - MĐ: Quan sát giá để dép -TCVĐ: Nu na nu nống - Chơi tự do. *SEL: Trẻ biết cất dép của mình đúng nơi qui định, có thói quen cất dép gọn gàng | Ngày 3/10/2025 - MĐ: Quan sát mũ -TCVĐ: Nu na nu nống - Chơi tự do. *SEL: Biết, đội mũ khi ra ngoài. | |

| TT | Hoạt động | | Phân phối vào các ngày trong tuần | | | | | Ghi chú |
|----|-------------------------|----------------|--|--|--|---|--|---------|
| | | | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | |
| | | Nhánh 2 | <p>Ngày 6/10/2025</p> <ul style="list-style-type: none"> - MĐ: Quan sát đu quay -TCVĐ: Đuổi bắt bóng - Chơi tự do. *SEL: Trẻ hợp tác, tuân theo luật chơi | <p>Ngày 7/10/2025</p> <ul style="list-style-type: none"> - MĐ: Quan sát cầu trượt -TCVĐ: Đuổi bắt bóng - Chơi tự do. *SEL: Trẻ biết chờ đến lượt, không chen lấn khi chơi | <p>Ngày 8/10/2025</p> <ul style="list-style-type: none"> - MĐ: Quan sát xích đu -TCVĐ: Đuổi bắt bóng - Chơi tự do. *SEL: Trẻ thể hiện cảm xúc vui sướng khi chơi đồ chơi. Biết chơi đúng luật, không xô đẩy bạn | <p>Ngày 9/10/2025</p> <ul style="list-style-type: none"> - MĐ: Quan sát tủ đồ dùng cá nhân -TCVĐ: Nu na nu nống - Chơi tự do. *SEL: Trẻ biết cất ba lô của mình đúng vị trí trong tủ | <p>Ngày 10/10/2025</p> <ul style="list-style-type: none"> - MĐ: Quan sát giá để dép -TCVĐ: Đuổi bắt bóng - Chơi tự do. *SEL: Trẻ biết cất dép của mình đúng nơi qui định, có thói quen cất dép gọn gàng | |
| 5 | Vệ sinh, ăn, ngủ | | <ul style="list-style-type: none"> - Cô cho trẻ đi vệ sinh. Rèn luyện thói quen biết tự đi vệ sinh khi có nhu cầu, đi vệ sinh đúng nơi qui định - Cô rửa mặt rửa tay cho trẻ sạch sẽ. - Phối hợp với phụ huynh rèn trẻ thao tác, thói quen trẻ lau mặt, lau miệng và uống nước sau khi ăn - Giáo viên trò chuyện, rèn trẻ thói quen lau mặt, lau miệng và uống nước sau khi ăn Dạy trẻ biết lấy nước uống với sự giúp đỡ của người lớn - Trẻ biết ngồi vào bàn ăn cơm ăn được các loại thức ăn khác nhau - Cô chia cơm canh cho trẻ. Cô giới thiệu món ăn cho trẻ biết. - Trẻ mời cô, mời các bạn ăn cơm - Cô giới thiệu món ăn :Nấu cháo thịt lợn, cà rốt - Cho trẻ ăn: Cô động viên trẻ ăn hết suất, không làm rơi vãi | | | | | |

| TT | Hoạt động | Phân phối vào các ngày trong tuần | | | | | Ghi chú |
|----------------------------|----------------|--|--|--|---|--|---------|
| | | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | |
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ lấy ghế về bàn ngồi, ăn xong tự cất ghế - Rèn cho trẻ biết lấy gối, xếp gối, về chỗ ngủ - Luyện thói quen ngủ đúng giờ, sâu giấc - phối hợp với phụ huynh bổ sung thêm sữa cho trẻ. Trưa trẻ khó ngủ, cô cho trẻ nằm riêng cùng với cô không để ảnh hưởng các bạn đã ngủ 9, cô vỗ về, ru cho trẻ ngủ. <p>*SEL: hình thành và rèn luyện thói quen tốt trong vệ sinh ăn ngủ: biết mời cô, mời bạn trước khi ăn, giữ gìn vệ sinh cá nhân sạch sẽ, lấy đúng gối chuẩn bị ngủ</p> | | | | | |
| Chơi tập buổi chiều | Nhánh 1 | <p>Ngày 29/9/2025</p> <p>Quan sát, nhận biết, tập nói tên gọi đặc điểm nổi bật và tác dụng của ba lô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu gương cuối ngày . - Vệ sinh. Trả trẻ. <p>*SEL: Trẻ khám phá, nhận biết đặc điểm</p> | <p>Ngày 30/9/2025</p> <ul style="list-style-type: none"> - 'Hướng dẫn chơi trò chơi bé em (Bé chơi với búp bê - Nêu gương cuối ngày. - Vệ sinh. Trả trẻ. <p>*SEL: Trẻ chơi với búp bê hoặc gấu bông theo vai “em bé” và đóng vai người chăm sóc (bê, ru, cho ăn, dỗ dành...)Trẻ chia sẻ búp bê, chơi cùng bạn</p> | <p>Ngày 1/10/2025</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành rèn kỹ năng Dạy trẻ chơi: Xâu vòng màu xanh tặng bạn - Nêu gương cuối ngày . - Vệ sinh. Trả trẻ. <p>*SEL: chia sẻ, giúp đỡ, đoàn kết, chơi cùng bạn</p> | <p>Ngày 2/10/2025</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạy trẻ: Quan sát, nhận biết, phân biệt đồ chơi quả bóng, ô tô - Nêu gương cuối ngày. - Vệ sinh. Trả trẻ. <p>*SEL: Trẻ khám phá, nhận biết đặc điểm và cách chơi của đồ vật (bóng, ô tô) Biết chia sẻ, chơi luân phiên, quan sát cảm xúc bạn</p> | <p>Ngày 3/10/2025</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập 3: Những tay lái lẹ. Đội mũ bảo hiểm khi đi xe. - Nêu gương cuối tuần - Vệ sinh. Trả trẻ. <p>SEL:Đảm bảo an toàn cho bản thân khi tham gia giao thông. Biết chủ động đội mũ bảo hiểm mỗi khi ra đường</p> | |
| | Nhánh 2 | <p>Ngày 6/10/2025</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành rèn | <p>Ngày 7/10/2025</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạy trẻ: Quan | <p>Ngày 8/10/2025</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tập 4: Ai Ngầu | <p>Ngày 9/10/2025</p> <ul style="list-style-type: none"> - 'Quan sát, nhận | <p>10/10/2025</p> <ul style="list-style-type: none"> 'Quan sát nhận | |

| TT | Hoạt động | Phân phối vào các ngày trong tuần | | | | | Ghi chú |
|----|-----------|--|---|--|---|---|---------|
| | | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | |
| | | <p>kỹ năng Dạy trẻ chơi: Xâu vòng màu vàng tặng bạn</p> <p>- Nêu gương cuối ngày</p> <p>- Vệ sinh. Trả trẻ.</p> <p>*SEL: * Biết tập trung xâu vòng theo hướng dẫn, chờ tới lượt nếu làm theo nhóm</p> | <p>sát, nhận biết, búp bê</p> <p>- Nêu gương cuối ngày .</p> <p>- Vệ sinh. trả trẻ</p> <p>*SEL: Trẻ thể hiện cảm xúc vui sướng khi chơi đồ chơi. Biết chơi đúng luật, không xô đẩy bạn</p> | <p>Nhất, Vui Chơi Xe Đạp An Toàn</p> <p>- Nêu gương cuối ngày .</p> <p>- Vệ sinh. Trả trẻ.</p> <p>SEL:Biết quan tâm đến cảm xúc, sự an toàn và trải nghiệm của người khác khi cùng vui chơi. Biết đưa ra lựa chọn an toàn khi chơi xe đạp: chọn đội mũ, không phóng nhanh, không đùa giỡn nơi</p> | <p>biết, của quả bóng</p> <p>- Nêu gương cuối ngày.</p> <p>- Vệ sinh. Trả trẻ</p> <p>*SEL: Trẻ khám phá, nhận biết đặc điểm và cách chơi của quả bóng, Biết chia sẻ, chơi luân phiên, quan sát cảm xúc bạn</p> | <p>biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình</p> <p>- Vệ sinh. Trả trẻ.</p> <p>- Nêu gương cuối ngày.</p> <p>*SEL: Trẻ gọi tên đồ chơi .</p> <p>Biết lựa chọn món đồ chơi mình yêu thích.biết chơi đồ chơi cùng bạn</p> | |

V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHƠI TẬP THEO Ý THÍCH BUỔI SÁNG CHI TIẾT:

| Khu vực chơi | | Mục đích - yêu cầu | Nội dung chơi | Chuẩn bị | Phân phối vào nhánh | |
|----------------|---------------|--|--|--|---------------------|----|
| | | | | | N1 | N2 |
| 1.Thao tác vai | Nấu ăn | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết tên các đồ chơi trong góc nấu ăn và bắt chước các thao tác chơi với đồ chơi: cầm đũa, thìa, bật bếp, nấu ăn... - Trẻ có kỹ năng bắt chước sử dụng đồ dùng trong góc chơi và chế biến các món ăn đơn giản có sự giúp đỡ của cô - Trẻ chơi vui vẻ, hứng thú - Sell: Biết chọn vai chơi, chọn đồ chơi và cất đồ chơi đúng chỗ; Biết giao tiếp: đưa tờ cái thìa...; chơi cùng bạn | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thao tác tự phục vụ trong ăn uống. - Lấy thực phẩm, chế biến một số món ăn đơn giản: nấu bột, nấu cháo... | <ul style="list-style-type: none"> - Đồ chơi, đồ dùng nấu ăn: Tạt dề, bếp ga, chảo, nồi, bát, đũa... - Một số thực phẩm - Các nguyên liệu chế biến món ăn: tôm, cua, cá, thịt.... - Các loại rau, củ quả | x | x |
| | Bé em | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết tên nhóm chơi và tên đồ chơi trong góc chơi bé em – Trẻ làm quen với một số thao tác bé em đơn giản- Trẻ có kỹ năng bắt chước khi chơi bé | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thao tác bế em - Xúc bột cho em ăn - Lau mặt, ru em ngủ - Chải tóc cho búp bê.... - Cho búp bê uống nước | <ul style="list-style-type: none"> Búp bê, giường búp bê, khăn rửa mặt nhỏ,.....- Nồi bát, thìa, ca.... | x | x |

| Khu vực chơi | | Mục đích - yêu cầu | Nội dung chơi | Chuẩn bị | Phân phối vào nhánh | |
|---|-----------------|---|--|--|---------------------|----|
| | | | | | N1 | N2 |
| | | em - Trẻ chơi vui vẻ, hứng thú, yêu quý và chăm sóc em | | | | |
| | Bán hàng | - Trẻ biết tên một số mặt hàng nổi bật của cửa hàng: tên một số thực phẩm, rau củ...đồ dung trang phục , đồ chơi của trẻ và cô giáo - Trẻ có thao tác bày hàng, đưa hàng cho khách - Trẻ hứng thú với vai chơi của mình - Sell: - Trẻ nhận biết cảm xúc khi nhập vai: “Con là mẹ”, “Em khóc rồi, mẹ buồn” → Biết hiểu cảm xúc của bản thân và người khác | - Bán hàng : Bán đồ dùng đồ chơi chủ đề như: Rau củ quả và đồ dung đồ chơi của bé- Sắp xếp,bày hàng ra bán - Chào mời khách, lấy và đưa đúng hàng cho khách | - Đồ dùng trang phục của cô giáo - Đồ chơi: thực phẩm (tôm, cua, cá...), các đồ ăn tốt cho sức khỏe như: các loại quả (xoài, thanh long, cam...), các loại rau - củ (bắp cải, cà rốt,...), các món ăn, sữa...bánh trung thu | X | X |
| 2. Hoạt động với đồ vật, đồ chơi | | - Trẻ biết về đúng góc chơi, thực hiện đúng các thao tác chơi với đồ chơi, biết tên gọi, đặc điểm nổi bật, phân loại đồ chơi NBPB màu | Bé chơi xếp chồng,làm công, xếp cạnh làm hàng rào trường mầm non Chấp ghép hình vào bóng các đồ chơi trong lớp,ngoài trời, đồ dung | - Gạch, thảm cỏ, cây xanh, hàng rào, cây hoa, lắp ghép... - Đồ chơi xâu vòng hạt hạt, lọ,gấp... - Lô tô đồ dung ,đồ | X | X |
| | | | | | X | X |

| Khu vực chơi | Mục đích - yêu cầu | Nội dung chơi | Chuẩn bị | Phân phối vào nhánh | |
|----------------------|--|--|---|---------------------|----|
| | | | | N1 | N2 |
| | <p>sắc, kích thước to nhỏ...</p> <p>- Trẻ có kĩ năng xếp chồng, xếp cạnh; chấp gập, xoáy mở nắp chai, cài cúc...</p> <p>- Trẻ chơi vui vẻ, chơi cạnh nhau, không tranh giành đồ chơi của bạn</p> <p>- Sell- Trẻ chơi cùng bạn, biết **quan sát, học hỏi bạn đang làm gì? Biết chờ bạn chơi xong mới lấy, không giành giật đồ.</p> | của bé | <p>chơi trong lớp, ngoài trời</p> <p>- Bảng cài, cời cúc áo, búp bê</p> <p>- vỏ chai có gắn các mẫu đồ chơi theo màu</p> | | |
| | | Xâu vòng hạt hạt | | x | x |
| | | Chơi: Cắp hạt bỏ giỏ | | | x |
| | | Tập cài mở cời cúc các đồ dung, đồ chơi như áo, búp bê, quả bóng.... | | | |
| | | Xoáy mở nắp chai theo màu đồ chơi | | | |
| 3. Nghệ thuật | <p>- Trẻ biết về góc chơi, tháo tác với đồ dùng đồ chơi</p> <p>Bước đầu trẻ làm quen với các kỹ năng tạo hình như di màu, xoay tròn, lăn dọc, vo giấy, xé giấy</p> <p>kĩ năng cầm bút di màu, nặn, lật mở trang sách, xem truyện tranh...</p> <p>- Sell: Trẻ biết thể hiện cảm xúc qua sản phẩm</p> | Di màu, dán trang trí tranh rỗng một số đồ dung, của bé | <p>- Tranh rỗng một số đồ dung, đồ chơi như đu quay, cầu trượt, búp bê, quả bóng, dép mũ...</p> <p>- Sáp màu, giấy vụn, xốp vụn. Bảng, đất nặn, khăn lau tay, keo dán...</p> <p>- Tranh ảnh đồ dùng đồ chơi album tranh về các loại đồ chơi</p> | x | x |
| | | Nặn kẹo tặng bạn bạn | | | |
| | | Xem tranh, ảnh các loại đồ dùng đồ chơi của bé | | x | x |
| | | Xé giấy, vo giấy làm kẹo tặng bạn | | | x |
| | | Âm nhạc: hát bài hát trong chủ đề | | x | x |

| Khu vực chơi | Mục đích - yêu cầu | Nội dung chơi | Chuẩn bị | Phân phối vào nhánh | |
|--------------------|--|---|--|---------------------|----|
| | | | | N1 | N2 |
| | của trẻ: vui khi hoàn thành- buồn khi sản phẩm chưa như ý, | | | | |
| 4. Vận động | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết chơi các trò chơi vận động và trò chơi dân gian tại góc chơi. Thông qua mỗi trò chơi vận động củng cố các kỹ năng vận động cho trẻ - Khéo léo vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - Trẻ hứng thú, tích cực khi chơi - Sell: - Trẻ nhận biết cảm xúc khi chơi - Biết chờ đến lượt chơi , chơi cùng nhau | TCDG: Chi chi chành chành, dung dăng dung dẻ, nu na nu nống | <ul style="list-style-type: none"> - Cổng chui - Bóng, gôn - Giấy các loại: giấy màu, giấy báo... | x | x |
| | | Đi trong đường hẹp | | | x |
| | | Bật tại chỗ | | | x |
| | | Đóng cọc bàn gỗ | | x | |
| | | Chơi vo giấy làm kẹo | | | x |
| | | Thả bóng, đập bóng, lăn bóng vào gôn | | x | x |

Phó hiệu Trưởng

Giáo viên chủ nhiệm